

Số: **99** /BC-UBND

Tuy Phước, ngày **18** tháng **7** năm **2014**

BÁO CÁO

Tổng kết công tác chứng thực từ 01/7/2007 đến 31/3/2014 trên địa bàn huyện Tuy Phước

Thực hiện Quyết định số 1579/QĐ-UBND ngày 21/5/2014 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành Kế hoạch tổng kết công tác chứng thực trên địa bàn tỉnh Bình Định, UBND huyện Tuy Phước báo cáo cụ thể như sau:

I. RÀ SOÁT, PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ NHỮNG VĂN BẢN ĐIỀU CHỈNH HOẠT ĐỘNG CHỨNG THỰC

1. Các văn bản pháp luật cần được rà soát, phân tích, đánh giá, chỉ đạo triển khai thực hiện

Để triển khai thực hiện các văn bản liên quan đến công tác chứng thực như: Nghị định số 79/2007/NĐ-CP ngày 18/5/2007 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và Nghị định số 04/2012/NĐ-CP ngày 20/01/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 5 của Nghị định số 79/2007/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký; Thông tư số 03/2008/TT-BTP ngày 25/8/2008 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 79/2007/NĐ-CP; Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ về công chứng, chứng thực; Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT-BTP-BTNMT ngày 13/6/2006 của Bộ Tư pháp và Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc công chứng, chứng thực hợp đồng, văn bản thực hiện quyền của người sử dụng đất; Quyết định số 22/2009/QĐ-UBND ngày 13/7/2009 của UBND tỉnh Bình Định v/v quy định thẩm quyền công chứng, chứng thực các hợp đồng giao dịch liên quan đến bất động sản trên địa bàn tỉnh Bình Định của các tổ chức hành nghề công chứng, UBND cấp huyện và UBND cấp xã; UBND huyện Tuy Phước đã chỉ đạo tổ chức triển khai phổ biến kịp thời các văn bản trên cho cán bộ, công chức làm công tác chứng thực và tuyên truyền cho nhân dân trên địa bàn biết và thực hiện theo đúng quy định pháp luật.

Đồng thời, UBND huyện chỉ đạo các cơ quan chức năng mà trực tiếp là Phòng Tư pháp tiến hành rà soát, đánh giá, có kiến nghị đề xuất đối với các cơ quan có thẩm quyền, UBND tỉnh và Sở Tư pháp về những tồn tại, hạn chế, khó khăn vướng mắc trong công tác chứng thực trên địa bàn trong việc áp dụng các văn bản của cấp trên.

2. Tình hình triển khai thực hiện

a) Trách nhiệm quản lý nhà nước và thẩm quyền chứng thực:

Việc tổ chức quản lý đối với hoạt động công chứng, chứng thực trên địa bàn luôn được UBND từ huyện đến cấp xã quan tâm. Đối với chứng thực hợp đồng, giao dịch dân sự tại 2 thị trấn (có nhà ở trên đất) thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện việc chứng thực các hợp đồng, giao dịch khác và các loại việc khác theo quy định được phân theo từng cấp và được các cơ quan chức năng trên địa bàn thực hiện theo

đúng quy định. Công tác thanh tra, kiểm tra đối với hoạt động chứng thực được UBND huyện chỉ đạo Phòng Tư pháp lên kế hoạch tổ chức hằng năm và có báo cáo kết quả để kịp thời điều chỉnh những sai sót trong hoạt động tại các địa bàn xã, thị trấn. Nhờ đó, hoạt động công chứng, chứng thực trên địa bàn đã đi vào nề nếp.

Công tác phân cấp quản lý và phân công trách nhiệm thực hiện đối với công tác công chứng, chứng thực cho tổ chức và công dân được thực hiện theo đúng quy định của cấp trên.

Tuy nhiên, về thẩm quyền chứng thực của cấp huyện theo quy định hiện hành vẫn còn những bất cập như việc chứng thực các hợp đồng, giao dịch dân sự thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND huyện đề nghị nên chuyển cho Trưởng phòng Phòng Tư pháp trực tiếp ký chứ không phải là ký thừa ủy quyền như hiện nay.

b) Việc chứng thực của các cơ quan có thẩm quyền chứng thực:

- Việc chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký người dịch theo Nghị định số 79/2007/NĐ-CP:

+ Đối với chứng thực bản sao từ bản chính: Thực trạng cho thấy nhu cầu rất lớn của người dân và tổ chức đối với các loại giấy tờ này. Vì thực tế hiện nay, các cơ quan, tổ chức khi làm hồ sơ hay các thủ tục giao dịch với các cơ quan, đơn vị có liên quan họ đều yêu cầu có công chứng của cơ quan có thẩm quyền. Do đó, khi đến các cơ quan công chức, người dân ký rất nhiều các loại giấy tờ này dẫn đến việc cán bộ, công chức Tư pháp – Hộ tịch và Tư pháp cấp huyện phải tốn rất nhiều thời gian cho việc chứng thực gây ảnh hưởng đến chất lượng giải quyết các công việc khác được giao. Để hạn chế tình trạng trên, đề nghị các cơ quan chức năng ở Trung ương cần có quy định khi các cơ quan, tổ chức, cá nhân đến giao dịch nộp các giấy tờ tại cơ quan, tổ chức chỉ cần nộp bản photo và có bản chính để đối chiếu với bản photo.

Ngoài ra, theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Nghị định 79/2007/NĐ-CP ngày 18/5/2007 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký thì “*Bản sao*” là *bản chụp, bản in, bản đánh máy, bản đánh máy vi tính hoặc bản viết tay có nội dung đầy đủ, chính xác như sổ gốc hoặc bản chính*”. Nhưng quy định này sinh ra một số bất cập cần phải được giải quyết.

Thứ nhất: Đối với các bản sao mà do người yêu cầu tự viết thì phần ký tên và con dấu của cơ quan thẩm quyền cấp không thể hiện được. Khi cơ quan chứng thực đối chiếu với bản chính để chứng thực nhưng khi người dân mang những bản sao này để nộp các cơ quan, tổ chức khác thì không được chấp nhận. Vì họ cho rằng bản sao này không giống như bản chính, không có chữ ký, con dấu của cơ quan thẩm quyền cấp nên không có giá trị và từ chối tiếp nhận.

Thứ hai: Tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 79/2007/NĐ-CP quy định: “*Cơ quan, tổ chức tiếp nhận bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính không được yêu cầu xuất trình bản chính để đối chiếu. Trường hợp có dấu hiệu nghi ngờ bản sao là giả mạo thì có quyền xác minh*”. Nhưng trong thực tế còn có cơ quan, tổ chức khi tiếp nhận bản sao từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính không tiếp nhận mà đòi đương sự phải xuất trình bản chính để đối chiếu, việc làm này là trái với quy định tại khoản 1 Điều 6 của Nghị định số 79/2007/NĐ-CP đã gây rất nhiều phiền hà cho công dân đi lại nhiều lần. Nhưng ngược lại tại khoản 2 Điều 6 của Nghị định 79/2007/NĐ-CP lại quy định “*Cơ quan, tổ chức tiếp nhận bản sao không có chứng thực có quyền yêu cầu xuất trình bản chính để đối chiếu. Người đối*

chiếu phải ký xác nhận vào bản sao và chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản sao so với bản chính". Như vậy, tại khoản 1 và khoản 2 Điều 6 của Nghị định mâu thuẫn với nhau dẫn đến khó khăn trong việc thực hiện vì bản sao theo sổ gốc làm gì có chứng thực. Đây là tính bất cập đề nghị sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

+ Đối với chứng thực chữ ký người dịch: Về chất lượng bản dịch và trách nhiệm của người dịch đối với chất lượng bản dịch được thực hiện đảm bảo chất lượng theo đúng quy định, đáp ứng được yêu cầu của người dân.

- Chứng thực hợp đồng, giao dịch theo Nghị định số 75/2000/NĐ-CP:

Trong công tác chứng thực các hợp đồng giao dịch dân sự, chưa có Luật Chứng thực chuyên ngành mà phải điều chỉnh bằng bằng nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác nhau, các văn bản hướng dẫn thực hiện còn mâu thuẫn, chồng chéo. Cụ thể như đối với cấp huyện, cấp xã chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản và khai nhận di sản theo Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT/BTP-BTNMT hướng dẫn việc công chứng, chứng thực hợp đồng văn bản thực hiện quyền của người sử dụng đất quy định phải niêm yết 30 ngày (điểm 2.3 mục 2 và điểm 3.3 mục 3 chương II). Trong khi đó, tại Điều 19 Nghị định số 04/2013/NĐ-CP ngày 07/01/2013 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật công chứng chỉ niêm yết 15 ngày. Quy định này dẫn đến áp dụng không thống nhất giữa các tổ chức hành nghề công chứng (có nơi niêm yết 30 ngày, có nơi niêm yết 15 ngày). Hiện nay, Bộ Tư pháp, Bộ Tài nguyên và Môi trường chưa có hướng dẫn việc này nên việc áp dụng và thực hiện giữa cơ quan chứng thực cấp huyện, xã với các tổ chức hành nghề công chứng có sự khác nhau.

c. Kết quả thực hiện:

(có phụ lục đính kèm)

4. Các điều kiện đảm bảo cho việc chứng thực

* Về cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc, địa điểm tiếp công dân: Nhằm tạo điều kiện cho cán bộ Tư pháp các xã, thị trấn thực hiện tốt công tác tham mưu giúp UBND cấp xã hoàn thành nhiệm vụ được giao, UBND huyện đã chỉ đạo UBND các xã, thị trấn bố trí kinh phí đầu tư trang thiết bị làm việc cho cán bộ, công chức Tư pháp – Hộ tịch tại địa phương, ưu tiên trang bị 01 máy vi tính có nối mạng thông tin điện tử của Chính phủ để tra cứu thông tin và phục vụ công tác chuyên môn. Ngoài ra, mỗi cán bộ, công chức đều được trang bị các phương tiện làm việc cần thiết khác như: Phòng làm việc, bàn, ghế và các phương tiện khác phục vụ cho công việc và tiếp công dân. Theo quy định việc tổ chức tiếp nhận và giải quyết hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đều tập trung ở Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả một cửa của từng cấp.

Hiện tại, kinh phí phục vụ công tác tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ chứng thực không đảm bảo, trong khi việc đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ công chức làm công tác chứng thực cấp xã rất cần thiết. Việc nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ chứng thực cho đội ngũ này chủ yếu thông qua hoạt động chuyên môn, họp giao ban định kỳ 6 tháng, 9 tháng và tổng kết năm để tổng kết rút kinh nghiệm và có hướng dẫn cho cán bộ cấp cơ sở đối với công tác chứng thực.

Việc biên soạn các tài liệu chuyên đề về công tác chứng thực phục vụ công tác tuyên truyền cho người dân còn hạn chế. Hiện tại, cán bộ tư pháp phải kiêm nhiệm nhiều việc phân nào ảnh hưởng đến chất lượng công tác chuyên môn và tuyên truyền.

Công tác xây dựng kế hoạch tuyên truyền pháp luật kết hợp với tuyên truyền các quy định pháp luật liên quan đến công tác chứng thực được cán bộ Tư pháp lồng ghép một cách hợp lý. Tổ chức, cá nhân đến liên hệ công tác sẽ được cán bộ Tư pháp hướng dẫn cụ thể, chi tiết đảm bảo mọi người đều hiểu và thực hiện theo.

* **Đội ngũ cán bộ làm công tác chứng thực:** Hiện nay, trên địa bàn huyện và 13 xã, thị trấn đều có phân công cán bộ làm công tác chứng thực đều có trình độ từ trung cấp trở lên (*có phụ lục đính kèm*). Tổng số cán bộ, công chức Tư pháp cấp xã là 24 cán bộ, công chức. Trong đó, có 15 công chức trong biên chế và 10 cán bộ hợp đồng (gồm: 11 đ/c có trình độ đại học Luật, 08 đ/c có trình độ trung cấp Luật, 04 đ/c có trình độ trung cấp chuyên ngành khác, đối tượng khác: 01 đ/c). Có 2 đơn vị chỉ có 01 cán bộ là thị trấn Tuy Phước và xã Phước Nghĩa; 01 cán bộ nghỉ hưu từ tháng 7/2014 tại xã Phước Quang vẫn chưa bố trí được cán bộ bổ sung, thay thế.

UBND huyện đã có sự quan tâm, chỉ đạo các đơn vị, địa phương kịp thời tạo điều kiện để đưa các cán bộ, công chức đi đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ đảm bảo ngành Tư pháp trên địa bàn huyện có 100% Đại học Luật và được bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, kỹ năng chuyên môn và nghiệp vụ chứng thực đáp ứng tốt nhất yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới. Đồng thời, chỉ đạo cơ quan chức năng đôn đốc đối với các xã, thị trấn thiếu nhân sự có sự bổ sung kịp thời. Hiện nay, đội ngũ này phải kiêm nhiệm nhiều việc liên quan đến lĩnh vực của ngành và nhiệm vụ khác được UBND cấp xã giao. Một số xã có địa bàn rộng, dân cư đông nên nhu cầu chứng thực của người dân và các loại công việc khác như khai sinh, giải quyết khiếu nại, tố cáo, công tác tuyên truyền pháp luật gây ảnh hưởng không nhỏ đến việc cập nhật, tra cứu các văn bản pháp luật, các hướng dẫn mới của cấp trên.

Việc đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức đang công tác làm công tác chứng thực tại cấp xã chưa được tổ chức thường xuyên, còn phụ thuộc nhiều vào kế hoạch tổ chức đào tạo của tỉnh. Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, lưu trữ văn bản và tra cứu đòi hỏi mỗi cán bộ, công chức đều phải được trang bị một máy vi tính riêng; tuy nhiên, do điều kiện một số địa phương chưa bố trí được kinh phí để trang bị cho riêng từng cán bộ, công chức ảnh hưởng phần nào đến nhiệm vụ được giao. Một số đơn vị cấp xã như Phước Sơn, Phước An... mặc dù đã bố trí đủ 02 cán bộ, công chức Tư pháp nhưng khối lượng công việc vẫn còn nhiều vì đây là những địa phương có dân số đông, nhu cầu của người dân đối với lĩnh vực tư pháp rất lớn.

5. Cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức trong việc cung cấp thông tin phục vụ công tác chứng thực

Việc phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị và địa phương trong công tác chứng thực nhất là chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến bất động sản được phối hợp chặt chẽ đảm bảo việc chứng thực theo đúng quy định pháp luật tránh tình trạng chồng chéo, hạn chế việc cùng một tài sản công chứng ở nhiều cơ quan công chứng khác nhau nhằm tận dụng tài sản trong quá trình thi hành án.

6. Tác động xã hội của hoạt động chứng thực

Sau khi Nghị định số 79/2007/NĐ-CP có hiệu lực thi hành, công tác chứng thực tại địa phương đã có bước chuyển biến rõ rệt, toàn bộ 13 xã, thị trấn thực hiện việc tiếp nhận việc chứng thực cho người dân tạo điều kiện thuận lợi cho người dân

giúp tiết kiệm chi phí thời gian và đi lại. Trong thời gian qua, công tác chứng thực trên địa bàn huyện đã đi vào nề nếp. Việc tiếp nhận và giải quyết hồ sơ theo cơ chế một cửa giúp công tác chứng thực được nhanh chóng, kịp thời đúng quy trình thủ tục. Cùng với việc niêm yết công khai các quy trình thủ tục, các quy định mức thu phí, lệ phí chứng thực theo quy định góp phần minh bạch việc thu chi tài chính, ngăn chặn việc cán bộ công chức lạm dụng thu các khoản ngoài quy định, góp phần tăng thu ngân sách địa phương. Không còn hiện tượng gây phiền hà, sách nhiễu tổ chức, cá nhân đến chứng thực, tạo được sự đồng tình ủng hộ trong nhân dân, đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính tại địa phương.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Thuận lợi

Được sự chỉ đạo kịp thời của các cấp ủy đảng và chính quyền từ huyện đến cơ sở nên công tác chứng thực nói riêng và công tác Tư pháp nói chung trên địa bàn huyện được thực hiện theo đúng quy định pháp luật, ít sai sót. Công tác của ngành đi vào nề nếp, kịp thời giải quyết cho nhu cầu của tổ chức và công dân.

Việc công khai các bộ thủ tục và quy trình tiếp nhận, giải quyết hồ sơ cho tổ chức và cá nhân có nhu cầu về chứng thực tại Bộ phận "Một cửa" của từng cấp thuận tiện cho việc giải quyết công việc cho người dân. 100% hồ sơ của tổ chức, công dân đều được giải quyết đảm bảo đúng thời gian theo quy định.

Việc chứng thực các loại hợp đồng, giao dịch dân sự liên quan đến bất động sản mà người dân đến UBND cấp xã sẽ thuận tiện cho giao dịch của người dân, tiết kiệm thời gian và nhất là đội ngũ cán bộ, công chức tại địa phương thường xuyên tiếp xúc và liên hệ chặt chẽ với nhân dân nên những trường hợp có tranh chấp sẽ được UBND cấp xã ngăn chặn ngay.

2. Khó khăn

- Áp lực đối với cán bộ, công chức tại chính quyền cơ sở là rất lớn nhất là xã đông dân cư, cán bộ Tư pháp thường xuyên quá tải trong công việc. Việc quy định tăng thêm đầu việc mới trong đó có công tác theo dõi thi hành pháp luật và kiểm soát thủ tục hành chính dẫn đến chất lượng, hiệu quả công việc của đội ngũ cán bộ này khó đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

- Việc luân chuyển, điều động cán bộ Tư pháp sang làm công tác khác và ngược lại đã làm ảnh hưởng đến chất lượng trong giải quyết công việc. Một số địa phương còn thiếu cán bộ chuyên trách thực hiện công tác chứng thực. Công tác đào tạo bồi dưỡng cần phải được tổ chức thường xuyên nhưng kinh phí phục vụ công tác này lại không có. Trong khi đó, việc giao UBND cấp xã chứng thực các giao dịch liên quan đến bất động sản tiềm ẩn nhiều rủi ro do phần nhiều cán bộ thực hiện ký chứng thực (Chủ tịch và Phó Chủ tịch UBND cấp xã) chưa được đào tạo chuyên ngành Luật hay được tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ chứng thực, phụ thuộc vào ý chí chủ quan của cá nhân, sự tham mưu của cán bộ Tư pháp và bị phân tán bởi công việc quản lý nhà nước; trong khi lĩnh vực chứng thực chưa có luật chuyên ngành mà được điều chỉnh bởi nhiều văn bản luật khác nhau như: Bộ luật Dân sự, Luật Đất đai, Luật hôn nhân và gia đình, Luật Nhà ở...đặc biệt phải nắm chắc nội dung các văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh trực tiếp như: Nghị định số 75/2000/NĐ-CP, Nghị định số 79/2007/NĐ-CP, Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT-BTP-BTNMT...

- Pháp luật hiện hành chưa có quy định cụ thể về căn cứ xác định tư cách thành viên hộ gia đình tại thời điểm ký kết các hợp đồng, giao dịch liên quan đến quyền sử dụng đất (QSDD) của hộ gia đình. Cụ thể nếu dựa trên số lượng thành viên thực tế có tên trong Sổ hộ khẩu tại thời điểm giao kết hợp đồng thì có thể xảy ra việc bỏ sót thành viên của hộ tại thời điểm cấp Sổ chứng nhận QSDD. Vì thực tế Hộ khẩu tại các thời điểm khác nhau có sự thay đổi nên việc xác minh số người trong hộ tại thời điểm nêu trên gặp khó khăn.

- Các luật, văn bản của cấp trên ban hành điều chỉnh về công tác công chứng, chứng thực thường xuyên thay đổi và có những bất cập nhất định nên việc cập nhật, giải quyết hồ sơ và hướng dẫn người dân của đội ngũ cán bộ công chức gặp nhiều vướng mắc.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động chứng thực

Để khắc phục những khó khăn, hạn chế nêu trên và nâng cao hơn nữa chất lượng hiệu quả công tác chứng thực trong thời gian tới, UBND huyện đề xuất, kiến nghị một số giải pháp sau:

- Hoạt động công chứng và chứng thực có nhiều điểm tương đồng về điều kiện, trình tự, thủ tục... để hoàn thiện hệ thống pháp luật về công chứng và chứng thực, song song với Luật Công chứng kiến nghị Quốc hội sớm ban hành Luật Chứng thực nhằm đảm bảo sự tách bạch giữa công chứng và chứng thực. Qua đó, có điều kiện nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ công chức cấp xã, tạo điều kiện cho người dân trong việc lựa chọn tổ chức nào để công chứng hoặc chứng thực.

Đồng thời, Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp cần có quy định thống nhất về việc quy định mức thu phí, lệ phí giữa cơ quan hành chính nhà nước với các đơn vị hành nghề công chứng vì thực chất hành vi và kết quả của việc công chứng và chứng thực tại các cơ quan này tương tự nhau.

- Kiến nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu ban hành chương trình, nội dung đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, kỹ năng cho công chức thực hiện chứng thực các hợp đồng, giao dịch tại UBND cấp xã, cấp huyện (*chỉ có những người đã qua đào tạo mới được làm công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch*). Có như vậy, khi tổ chức, cá nhân lựa chọn tổ chức hành nghề công chứng hay UBND có thẩm quyền đều đảm bảo tính an toàn pháp lý và việc lựa chọn tổ chức nào để thực hiện phụ thuộc vào chất lượng dịch vụ của tổ chức đó.

- Để công tác chứng thực nói riêng và công tác tư pháp nói chung trên địa bàn huyện đảm bảo giải quyết tốt nhất nhu cầu của tổ chức và công dân đề nghị UBND tỉnh cần thường xuyên tuyên tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ chuyên môn và đạo đức công vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức Tư pháp đang công tác hay cán bộ công chức mới được tuyển dụng. Bố trí kinh phí hỗ trợ UBND cấp xã trang bị phương tiện làm việc (máy vi tính), đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa nền hành chính nói chung và cho việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý. Kiến nghị với Trung ương có chính sách ưu đãi thỏa đáng với cán bộ, công chức Tư pháp tạo động lực giúp đội ngũ này hoàn thành tốt công việc được giao. Sở Nội vụ bên cạnh việc quản lý nhân lực cần chú trọng hơn vào quản lý chất lượng công việc, bố trí biên chế và phân chia khối lượng công việc đảm bảo hợp lý cho CBCC ngành hoàn thành tốt

nhất nhiệm vụ được giao, trong đó có Tư pháp ở cấp cơ sở. Đồng thời, xây dựng được thước đo chất lượng công việc đối với vị trí được phân công.

- Đối với thẩm quyền công chứng thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện theo Quyết định số 22/2009/QĐ-UBND ngày 13/7/2009 của UBND tỉnh Bình Định đối với các tài sản là nhà ở trên đất đề nghị UBND tỉnh sớm chuyển giao cho Văn phòng công chứng đối với 2 thị trấn trên địa bàn huyện sẽ thuận tiện hơn cho người dân.

- Đẩy mạnh hơn nữa việc mở các tổ chức hành nghề công chứng đến tại trung tâm các xã trên địa bàn để chuyển giao việc chứng thực và mở rộng phạm vi các loại việc chứng thực cho các tổ chức hành nghề công chứng, giảm bớt sự quá tải trong công tác tại UBND cấp xã. UBND cấp huyện và cấp xã có điều kiện tập trung thời gian hơn vào công tác quản lý nhà nước.

- Đề nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 2 Nghị định số 79/2007/NĐ-CP, việc quy định về bản sao đối với trường hợp người tự viết lại từ bản chính theo hướng bỏ quy định này.

2. Đề xuất phục vụ xây dựng Luật Chứng thực

- Đối với Luật Chứng thực mới cần quy định các biện pháp nhằm giảm tối đa tình trạng lạm dụng bản sao chứng thực ở các cơ quan, tổ chức, đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính trong giai đoạn mới. Các cơ quan, tổ chức khi tiếp nhận hồ sơ giải quyết cho nhu cầu của công dân phải chấp nhận bản chụp không cần chứng thực, người dân chỉ cần xuất trình bản chính để đối chiếu.

- Người dân - khách hàng của hoạt động chứng nhận, chứng thực sẽ là người lựa chọn “sản phẩm” phù hợp với họ. Quy định pháp luật chứng thực, công chứng cần trao cho người dân có quyền lựa chọn cơ quan thực hiện (hoặc tổ chức hành nghề công chứng, hoặc cơ quan có thẩm quyền chứng thực) để người dân thực hiện quyền tự định đoạt và tự chịu trách nhiệm về quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

- Trong luật mới cần quy định cụ thể các loại giấy tờ nào không được chứng thực, loại giấy tờ nào thuộc thẩm quyền của Văn phòng công chứng, loại giấy tờ, hợp đồng giao dịch nào thuộc thẩm quyền của cơ quan Nhà nước cho phù hợp theo hướng xác định giá trị hợp đồng giao dịch.

Trên đây là kết quả Tổng kết công tác chứng thực giai đoạn từ ngày 01/7/2007 đến 31/3/2014 trên địa bàn huyện, UBND huyện Tuy Phước kính báo cáo UBND tỉnh, Sở Tư pháp và TT Huyện ủy chỉ đạo. *hđ*

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Tư pháp (b/c);
- TT Huyện ủy (b/c);
- Lưu: VT. *nh*



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đình Huệ

**ĐỘI NGŨ CÁN BỘ CÔNG CHỨC LÀM CÔNG TÁC CHỨNG THỰC TẠI PHÒNG TƯ PHÁP
VÀ UBND CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN TUY PHƯỚC TỪ 01/7/2007 ĐẾN 31/3/2014**

(Kèm theo Báo cáo Tổng kết công tác chứng thực số/BC-UBND ngày/.../2014 của UBND huyện Tuy Phước)

STT	Đơn vị	Tổng số	Trong đó		Trình độ văn hóa		Bồi dưỡng nghịệp vụ chứng thực	Trình độ chuyên môn				Thời gian làm công tác chứng thực	Ghi chú
			Chuyên trách	Kiểm nhiệm	THCS	THPT		Trung cấp luật	Đại học luật	Trên đại học	Chuyên môn khác		
1	Phòng Tư pháp	4	0	4		4	2		4				
2	UBND cấp xã	24	0	24		1		8	11	0	4		
	Tổng số	28	0	28	0	5	2	8	15	0	4	0	

hpf

**THÔNG KÊ SỐ LIỆU CHỨNG THỰC VÀ CÁC VIỆC XÁC NHẬN KHÁC
TẠI ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC TỪ 01/7/2007 ĐẾN 31/3/2014**

(Kèm theo Báo cáo Tổng kết công tác chứng thực số/BC-UBND ngày .../.../2014 của UBND huyện Tuy Phước)

STT	Năm	Bản sao được chứng thực từ bản chính		Chữ ký được chứng thực		Hợp đồng, giao dịch được chứng thực		Các loại việc khác được xác nhận		Ghi chú
		Số lượng (bản)	Lệ phí (Nghìn đồng)	Số lượng (t/h)	Lệ phí (nghìn đồng)	Số lượng (việc)	Lệ phí (nghìn đồng)	Số lượng (việc)	Lệ phí (nghìn đồng)	
I	PHÒNG TƯ PHÁP									
1	2007	11	26	0	0	41	590			
2	2008	20	40	0	0	26	340			
3	2009	21	248	6	46	56	5.090			
4	2010	29	630	0	0	107	9.130			
5	2011	50	540	11	150	45	10.160			
6	2012	235	1.290	22	350	49	7.900			
7	2013	2.280	10.104	9	240	22	5.200			
8	3/2014	1.036	3.641	8	180	8	2.650			
Tổng cộng		3,682	16,519	56	966	354	41,060	0	0	0
II	UBND CÁC XÃ, THỊ TRẤN									
1	2007	27.280	57.630	18	180	725	48.700	9.855	19.710	
2	2008	43.210	87.500	50	500	1.076	78.010	10.210	20.420	
3	2009	42.520	85.770	43	430	1.458	110.080	12.570	25.140	
4	2010	59.137	112.300	53	530	1.111	82.090	12.835	26.954	
5	2011	75.293	150.230	64	640	1.195	92.350	13.527	33.818	
6	2012	64.550	142.057	157	1.570	1.074	103.938	10.320	30.280	
7	2013	58.766	153.780	181	1.810	1.031	109.220	11.017	31.340	
8	3/2014	23.059	84.134	34	340	399	46.110	5.871	15.400	
Tổng cộng		393,815	873,401	600	6.000	8,069	670,498	86,205	203,062	

lyh